CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Phiên họp Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường

Tên dự án: Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên

Quyết định thành lập Hội đồng số: 1847/QĐ-SNNMT ngày 16/10/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên ban hành.

Thời gian họp: 13 giờ 30 phút, ngày 20/10/2026

Địa chỉ nơi họp: Phòng họp tầng 3, nhà B, Sở Nông nghiệp và Môi trường - Tổ 14, phường Linh Sơn, tỉnh Thái Nguyên

1. Thành phần tham dự phiên họp hội đồng thẩm định

1.1. Hội đồng thẩm định:

Theo Quyết định thành lập Hội đồng 1847/QĐ-SNNMT ngày 16/10/2026 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên.

Thành viên có mặt: 9/10 thành viên

Thành viên vắng mặt: 01/10thành viên: Đại diện phòng Quản lý Đất đai không tham gia phiên họp hội đồng do trùng lịch công tác *(không gửi bài nhận xét)*.

Ông Nguyễn Văn Minh - Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường - Chủ tịch Hội đồng giao Ông Lê Hải Bằng - Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường - Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì điều hành phiên họp và báo cáo Chủ tịch Hội đồng diễn biến, kết quả phiên họp để ký Biên bản họp Hội đồng thẩm định

1.2. Đại diện Chủ dự án: Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN

- Ông Nguyễn Đức Lượng - Giám đốc

1.3. Đơn vị tư vấn lập Báo cáo ĐTM: Viện Kỹ thuật tài nguyên nước

- Bà Đỗ Thúy Hoa - Cán bộ lập báo cáo

1.4. Đại biểu mời tham dự:

Lãnh đạo, chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung và diễn biến phiên họp

2.1. Tuyên bố lý do, giới thiệu thành phần:

Ủy viên Thư ký tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu tham dự; xác nhận đủ điều kiện tổ chức phiên họp; thông qua chương trình làm việc; công bố Quyết định thành lập Hội đồng số 1847/QĐ-SNNMT ngày 16/10/2026 về việc thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo ĐTM của dự án và giới thiệu các thành phần tham dự; Ông Nguyễn Văn Minh quán triệt các nội dung của HĐTĐ, giao Ông Lê Hải Bằng chủ trì, điều hành phiên họp báo cáo Chủ tịch Hội đồng diễn biến, kết quả phiên họp.

2.2. Chủ dự án trình bày tóm tắt báo cáo ĐTM:

Đại diện Chủ dự án trình bày tóm tắt quá trình chuẩn bị đầu tư, sự cần thiết triển khai dự án và các nội dung chính của dự án, cụ thể như sau:

Dự án Công viên nghĩa trang Minh Đức (sau đây gọi tắt là Dự án) được UBND thành phố Phổ Yên phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang tâm linh mới ở Minh Đức, thành phố Phổ Yên tại Quyết định số 798/QĐ-UBND ngày 14/02/2025; được UBND tỉnh Thái Nguyên chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 và chấp thuận nhà đầu tư tại Quyết định số 2356/QĐ-UBND ngày 23/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên; với quy mô diện tích đất dự án là 50,98 ha tại phường Phúc Thuận, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm d khoản 1 mục VI phần A phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; Dự án với quy mô sử dụng đất, đất có mặt nước từ 50 ha trở lên" thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; thuộc thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Chủ tịch UBND cấp tỉnh theo quy định tại khoản 2 mục I phần B phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị quyết 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ; Căn cứ Quyết định số 2157/QĐ-UBND ngày 03/7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Thái Nguyên, việc tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo ĐTM của dự án được ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Trong quá trình lập báo cáo ĐTM, Chủ dự án đã thực hiện tham vấn UBND, UBMTTQ phường Phúc Thuận; đã phối hợp với UBND phường Phúc Thuận tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động từ dự án; thực hiện tham vấn trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định.

Đại diện Chủ dự án ủy quyền cho đơn vị tư vấn trình bày tóm tắt nội dung Báo cáo ĐTM trước Hội đồng.

2.3. Thảo luận, trao đổi giữa Hội đồng với Chủ dự án và đơn vị tư vấn

Sau khi nghe đại diện Chủ dự án trình bày tóm tắt về dự án và đơn vị tư vấn báo cáo nội dung chính của Báo cáo ĐTM, các thành viên Hội đồng đã thảo luận, trao đổi và đề nghị Chủ dự án giải trình, làm rõ một số nội dung sau:

(1) Bà Trịnh Thị Thanh - PGS.TS, Trường Đại học Khoa học tự nhiên - Uỷ viên phản biện

Ý kiến 1: Làm rõ mối liên kết/ quản lý về HTKT giữa 1 số hạng mục do UBND phường quản lý với diện tích 7,53 ha, trong đó đặc biệt là: 2.337 m2 tháp lưu tro 13 tầng; và 35.615,91 m^2 khu nghĩa trang cát táng.

Ý kiến 2: Làm rõ hệ thống lò hỏa táng sau khi nhập khẩu đã tích hợp hệ thống lọc bụi và hệ thống xử lý khí thải chưa?

Ý kiến 3: Làm rõ hướng gió chủ đạo của Dự án đến khu vực lân cận để đánh giá mức độ ảnh hưởng khi có sự cố xảy ra.

Ý kiến 4: Làm rõ nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý của dự án.

(2) Bà Đỗ Thị Lan - PGS.TS, Trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên - Uỷ viên phản biện

Ý kiến 5: Làm rõ phần diện tích 1,02ha diện tích hồ Cô Vinh sẽ được thực hiện cải tạo hay giữ nguyên hiện trạng.

Ý kiến 6: Làm rõ phương án hoàn trả và tiến độ thi công tuyến kênh tưới dài 305m để không làm gián đoạn việc tưới cho khoảng 5,45 ha diện tích đất nông nghiệp ở hạ lưu kèm văn bản chấp thuận của đơn vị quản lý CTTL

Ý kiến 7: Làm rõ hệ thống xử lý khí thải có thiết bị làm nguội nhanh, lọc bụi hay không? Làm sao đảm bảo khí thải của hệ thống lò hỏa táng đạt QCVN 19:2024/BTNMT.

Ý kiến 8: Làm rõ khoảng cách an toàn môi trường từ Dự án đến trường THCS Minh Đức.

Ý kiến 9: Làm rõ phương án di rời, tái định cư cho 03 công trình nhà ở trong bán kính 500m từ lò hỏa táng.

Ý kiến 10: Làm rõ phương án lưu chứa 2,65 triệu m^3 đất dư thừa của dự án. Bản chất pháp lý là tận thu khoáng sản hay là đổ thải.

Ý kiến 11: Làm rõ phương án dự án dự phòng nếu bên nhận không tiếp nhận chất thải.

Ý kiến 12: Làm rõ TDP Thống Thượng có bao nhiêu hộ dân chịu ảnh hưởng trực tiếp trong khu vực dự án. Nhiều ý kiến về của người dân đang giải trình chung chung.

Ý kiến 13: Tên dự án là công viên Nghĩa trang nhưng chưa thấy trình bày về cảnh quan và cây xanh như nào?

(3) Ông Triệu Văn Tuấn - Chuyên viên phòng Quản lý Nhà và hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng - Ủy viên Hội đồng

Ý kiến 14: Làm rõ phần diện tích 7,53ha bàn giao cho UBND phường quản lý

Ý kiến 15: Bổ sung vòng tròn khoảng cách để xác định phạm vi ảnh hưởng từ lò hỏa táng đến các vị trí xung quanh.

Ý kiến 16: Làm rõ phần diện tích đường giao thông khoảng 2,91ha có nằm trong khu vực Dự án hay không.

Ý kiến 17: Làm rõ tính pháp lý của biên bản làm việc về tiếp nhận đất dư thừa.

(4) Ông Dương Như Long - Chuyên viên Chi cục Bảo vệ môi trường - - Ủy viên Hội đồng

Ý kiến 18: Khoảng cách an toàn từ khu vực cát táng đến các nhà dân xung quanh có đảm bảo 100m hay không?

Ý kiến 19: Làm rõ thông tin về hoàn trả suối, nắn chỉnh kênh mương thủy lợi, làm rõ suối hoàn trả có đáp ứng được khả năng tiêu thoát nước cho khu vực hay không?

Ý kiến 20: Làm rõ phần diện tích mai táng thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng để bàn giao lại cho UBND phường quản lý theo Quyết định 91/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên

Ý kiến 21: Xác định lại yếu tố nhạy cảm do nước thải chảy ra điểm cuối cùng là sông Công có chức năng cấp nước.

Ý kiến 22: Làm rõ 04 Khu nghĩa trang tổng số mộ tập kết theo quy hoạch nghĩa trang hay giữ nguyên hiện trạng.

Theo ý kiến của các thành viên Hội đồng thẩm định, Chủ dự án phối hợp với đơn vị tư vấn đã giải trình, làm rõ các nội dung cụ thể như sau:

(1) Đối với phần diện tích 7,53ha thuộc diện tích quy hoạch nhưng không có thuộc diện tích dự án, không thực hiện xây dựng các hạng mục liên quan đến nghĩa trang.

(2) Dự án sử dụng công nghệ lò hỏa táng là công nghệ Mecs Miyamoto của Nhật, chủ đầu tư thực hiện nhập nguyên máy có đồng hộ hệ thống lọc bụi và hệ thống xử lý khí thải.

(3) Nguồn tiếp nhận của dự án là tuyến mương phía Đông dự án và đã được chấp thuận tại Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026 của UBND phường Phúc Thuận.

(4) Đối với 1,02 ha diện tích Hồ Cô Vinh sẽ giữ nguyên hiện trạng hồ không thực hiện san lấp, cải tạo hồ.

(5) Chủ đầu tư thực hiện hoàn trả đoạn suối hiện trạng bằng kênh đất có mặt cắt hình thang bxHxB = (2x2x6) m, dài khoảng 825m nằm sát ranh giới phía Đông Bắc của dự án; hoàn trả tuyến kênh tưới hiện trạng bằng kênh bê tông B300, dài khoảng 305m nằm sát ranh giới phía Đông Nam của dự án, dẫn nước từ kênh thủy lợi hiện trạng nằm sát ranh giới dự án để cấp cho 5,45ha đất nông nghiệp còn lại. Phương án hoàn trả đoạn suối và đoạn kênh thủy lợi đã được đơn vị quản lý là UBND phường Phúc Thuận chấp thuận tại Văn bản số 1801/CV-UBND ngày 02/10/2026.

(6) Khoảng cách an toàn về môi trường từ lò hỏa táng đến Trường Tiểu học Minh Đức là 753m.

(7) Trong bán kính 500m từ lò hỏa táng có 03 công trình nhà ở trong khu vực 7,53ha, chủ đầu tư phối hợp cùng UBND phường Phúc Thuận làm việc và di rời 03 hộ bị ảnh hưởng. Về phương án tái định cư: Đối với các 03 hộ dân trong bán kính 500m từ lò hỏa táng do không nằm trong khu vực dự án nên không thuộc diện GPMb, tái định cư chủ đầu thực hiện hỗ trợ đối 03 hộ dân này.

(8) Sau khi dự án được phê duyệt, chủ đầu tư sẽ thực hiện làm thủ tục tận thu khoáng sản theo quy định. Khi thực hiện xong thủ tục chủ đầu tư sẽ ưu tiên các đơn vị đã ký thỏa thuận và tìm kiếm các nhà đầu tư khác để đảm bảo tận thu toàn bộ khoáng sản theo đúng quy đinh của Luật Địa chất và Khoảng sản.

(9) TDP Thống Thượng có khoảng 58 hộ dân bị ảnh hưởng trực tiếp trong khu vực dự án. Một số ý kiến không đồng ý thực hiện Dự án chủ yếu phản đối về chính sách đền bù và yếu tố tâm linh không có ý kiến phản đối về mặt môi trường trong quá trình thi công và vận hành Dự án.

(10) Trong khu vực Dự án có khoảng 13,88 ha diện tích cây xanh mặt nước, chiếm khoảng 29% diện tích Dự án.

(11) Chủ đầu tư đã bổ sung, làm rõ trong báo cáo phần diện tích nằm trong ranh giới quy hoạch nhưng nằm ngoài ranh của dự án bàn giao cho UBND phường Phúc Thuận quản lý.

(12) Chủ đầu tư đã trình bày về khoảng cách môi trường kèm bản vẽ thể hiện được phạm vi ảnh hưởng từ lò hỏa táng và khu vực cát táng đến các vị trí xung quanh.

(13) Đối với phần diện tích 2,91 ha đường giao thông nằm trong phần diện tích chủ đầu tư thực hiện đầu tư, sau khi hoàn thiện sẽ bàn giao cho UBND phường Phúc Thuận quản lý.

(14) Trong khu vực Dự án có khoảng 3,2ha diện tích khu nghĩa trang xây dựng mới (hình thức cát táng) chiếm khoảng 13% diện tích khu nghĩa trang, sau khi hoàn thiện hạ tầng sẽ thực hiện bàn giao cho UBND phường Phúc Thuận quản lý theo đúng Quyết định 91/2026/QĐ-UBND ngày 10/7/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

(15) Các nghĩa trang hiện trang trong phạm vi Dự án sẽ được di rời đến vị trí ô đất quy hoạch với tổng diện tích khoảng 2.169,49 m^2 thuộc quản lý của UBND phường Phúc Thuận.

Đối với các nội dung khác: Chủ dự án xin tiếp thu, sẽ cùng đơn vị tư vấn rà soát, bổ sung chỉnh sửa, làm rõ trong báo cáo ĐTM chỉnh sửa.

Trên cơ sở ý kiến giải trình, làm rõ ý kiến của Chủ dự án, các thành viên Hội đồng thẩm định đã đồng ý cho Chủ dự án tiếp tục phối hợp với đơn vị tư vấn để bổ sung, làm rõ các nội dung nêu trên trong quá trình chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo ĐTM sau khi thẩm định cùng với việc chỉnh sửa, bổ sung báo cáo

ĐTM theo nhận xét chi tiết của các thành viên Hội đồng; đồng ý tiếp tục chuyển sang phần nhận xét chi tiết đối với nội dung báo cáo ĐTM.

2.4. Ý kiến nhận xét về báo cáo ĐTM của các thành viên Hội đồng:

Chủ trì điều hành phiên họp mời các thành viên Hội đồng trình bày tóm tắt nội dung nhận xét, tập trung vào những vấn đề trọng tâm, các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung và hoàn thiện trong Báo cáo ĐTM; đồng thời đề nghị các thành viên phát biểu sau không lặp lại những nội dung đã được các thành viên phát biểu trước đó, trừ trường hợp cần bổ sung hoặc làm rõ thêm.

Các thành viên Hội đồng lần lượt trình bày ý kiến nhận xét đối với Báo cáo ĐTM của dự án. Ý kiến nhận xét báo cáo ĐTM của các thành viên Hội đồng thẩm định được ghi tóm lược những điểm chính, các ý kiến nhận xét chi tiết được thể hiện trong Bản nhận xét của từng thành viên Hội đồng và là căn cứ để Chủ dự án, đơn vị tư vấn nghiên cứu, tiếp thu, chỉnh sửa, hoàn thiện Báo cáo ĐTM theo quy định.

(1) Ý kiến của Bà Trịnh Thị Thanh - Uỷ viên phản biện

- Bổ sung làm rõ các nội dung câu hỏi nêu trên trong nội dung báo cáo đánh giá ĐTM.

- Bổ sung yêu cầu tuân thủ QCVN 30:2025/BNNMT về lò đốt chất thải; quy định về cơ cấu sử dụng đất trong cơ sở hỏa táng tại QCVN 07-10:2023/BXD và QCVN 07-10:2016/BXD; quy định về vệ sinh trong quàn, vận chuyển thi thể tại Thông tư 21/2021/TT-BYT.

- Áp dụng TCVN 7957:2023 để dự báo tải lượng ô nhiễm nước thải sinh hoạt thay cho hệ số của WHO; cập nhật Thông tư 12/2021/TT-BXD về lượng tiêu hao vật liệu xây dựng, với tỷ lệ được chuyên gia nêu là 0,5–5% tổng khối lượng vật liệu sử dụng.

- Làm rõ hướng gió chủ đạo từ khu vực dự án, đặc biệt từ các ống thoát khí đến khu vực lân cận, phục vụ đánh giá phát tán bụi, khí thải và nguy cơ sự cố.

- Đối chiếu kết quả tính toán khí thải với cột A QCVN 19:2024/BTNMT; xem xét bổ sung xác định vùng chịu tác động của ống khói lò hỏa táng, có thể bằng mô hình.

- Xác định cụ thể các thông số khí thải phù hợp với từng loại lò đốt để đánh giá và quan trắc nội bộ, kiểm soát vận hành, hiệu quả xử lý; không chỉ nêu chung là "bụi và khí thải".

- Làm rõ ngoài công nghệ đảo nhiệt, dự án có áp dụng các biện pháp hỗ trợ xử lý khí thải như hấp phụ bằng than hoạt tính, lọc túi vải hoặc tháp hấp thụ sử dụng dung dịch kiềm hay không.

- Bổ sung tình huống tắc nghẽn hệ thống quạt hút, tháp rửa khí và biện pháp phòng ngừa, ứng phó; đánh giá nguy cơ phát tán khói đen, bụi mịn, mùi hôi ảnh hưởng đến khu dân cư xung quanh.

- Làm rõ việc tuân thủ các quy định về quy hoạch trồng cây xanh.

- Làm rõ cơ sở lựa chọn công suất hệ thống xử lý nước thải 220 m^3/ngày trong khi nước thải sinh hoạt lớn nhất được nêu là 215,11 m^3/ngày và Bảng 1.4 còn có lượng nước liên quan đến công trình dịch vụ phụ trợ, hạ tầng kỹ thuật là 179,26 m^3/ngày.

- Xác định rõ tính chất, lượng nước cấp và nước thải của các nguồn này. Theo tính toán giả định của chuyên gia, nếu lấy lượng nước thải bằng 80% lượng nước cấp thì có thể phát sinh thêm khoảng 143 m^3/ngày, dẫn đến nguy cơ công suất xử lý chưa đáp ứng.

- Làm rõ định mức, hệ số và lượng nước cấp sinh hoạt cho cán bộ, khách viếng thăm tại Bảng 1.4.

- Công nghệ xử lý nước thải được chuyên gia đánh giá là phù hợp, nhưng cần thể hiện đầy đủ công đoạn bể hiếu khí kết hợp MBBR trong sơ đồ công nghệ, thuyết minh và danh mục thiết bị; bổ sung thông tin về giá thể vi sinh di động, hệ thống sục khí, quá trình phân hủy chất hữu cơ và nitrat hóa.

- Làm rõ các công đoạn xử lý chủ chốt, gồm công nghệ AO kết hợp MBBR và bể lọc cao áp, cùng yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra.

- Bổ sung biện pháp thu gom, xử lý nước thải phát sinh khi vệ sinh, khắc phục sự cố lò hỏa táng, như nước vệ sinh cánh quạt, đường ống dẫn khí chứa muội than, hơi dầu mỡ.

- Làm rõ mối liên kết hạ tầng kỹ thuật và trách nhiệm quản lý giữa dự án với khu vực 7,53 ha do UBND phường quản lý; đặc biệt đối với tháp lưu tro 13 tầng diện tích 2.337 m^2, khu nghĩa trang cát táng 35.615,91 m^2 có hoạt động tương tự dự án và khu nghĩa trang quy tập khoảng 3.903 m^2.

- Làm rõ quy mô, hiện trạng sử dụng các hạng mục văn hóa, giáo dục hiện có thuộc phạm vi phá dỡ, san lấp.

- Xác định phương án di dời, giữ lại, chỉnh trang hoặc quy tập đối với 4 nghĩa trang hiện hữu; làm rõ mối liên hệ với khu nghĩa trang quy tập do UBND phường quản lý và 2 khu nghĩa trang xây dựng mới. Trên cơ sở đó, bổ sung nội dung tổ chức thực hiện, đánh giá tác động và biện pháp giảm thiểu.

- Cụ thể hóa phương án hoàn trả 1,02 ha hệ thống kênh trong khu vực dự án đã được UBND phường Phúc thuận chấp thuận.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Các ý kiến chi tiết trong bản nhận xét kèm theo).

(2) Ý kiến của Bà Đỗ Thị Lan - Uỷ viên phản biện

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của Uỷ viên phản biện Trịnh Thị Thanh đã nhận xét. Tuy nhiên, một số nội dung chính cần bổ sung, chỉnh sửa như sau:

- Bổ sung làm rõ các nội dung câu hỏi nêu trên trong nội dung báo cáo đánh giá ĐTM.

- Bổ sung, rà soát các căn cứ pháp lý đặc thù về nghĩa trang, cơ sở hỏa táng; vệ sinh mai táng, hỏa táng (Nghị định 23/2016/NĐ-CP về nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; Thông tư 21/2021/TT-BYT về vệ sinh mai táng, hỏa táng); chuyển mục đích sử dụng đất rừng sản xuất và pháp luật khoáng sản đối với quản lý đất dư đưa đi bán hoặc chuyển giao.

- Bổ sung, làm rõ năng lực chuyên môn của đơn vị tư vấn, đặc biệt đối với công nghệ lò hỏa táng và hệ thống cấp, thoát nước; liệt kê đầy đủ các phương pháp mô hình hóa đã sử dụng trong báo cáo.

- Bổ sung hồ sơ hiện trạng sử dụng đất, phân loại đất lúa, loại rừng và căn cứ chuyển mục đích sử dụng đất; làm rõ số hộ phải di dời, tái định cư và phương án giải phóng mặt bằng.

- Thống nhất phạm vi, ranh giới dự án; làm rõ phần diện tích 7,53 ha được đề cập không thống nhất giữa trong và ngoài ranh dự án, đồng thời đánh giá tác động cộng hưởng với khu vực này.

- Bổ sung quy mô, công suất tiếp nhận, số lượng phần mộ và tiến độ lấp đầy các khu cát táng; thống kê chính xác số mộ, diện tích phải di dời, địa điểm quy tập và phương án cải táng theo quy định.

- Rà soát khoảng cách từ lò hỏa táng, nhà lưu giữ thi hài, khu cát táng, trạm xử lý nước thải và điểm xả đến nhà dân, trường học, hồ, suối; lập bản đồ có tỷ lệ và các vòng bán kính 100 m, 500 m. Làm rõ căn cứ xác định các nhà dân trong phạm vi 500 m đã được thu hồi; kiểm tra lại việc viện dẫn quy chuẩn về khoảng cách an toàn môi trường.

- Làm rõ phương án đối với phần hồ Cô Vinh nằm trong ranh dự án, việc giữ lại, cải tạo hay san lấp; mô tả tuyến kênh tưới hoàn trả, bảo đảm khả năng tưới cho diện tích đất nông nghiệp và có ý kiến của đơn vị quản lý công trình thủy lợi.

- Tính toán lại nhu cầu cấp nước theo đúng diện tích dự án và từng đối tượng sử dụng; bổ sung nhu cầu cho lò hỏa táng, khu lưu giữ thi hài, rửa xe tang, khử trùng, nhà hàng, khách viếng và ngày cao điểm. Lập bảng, sơ đồ cân bằng nước cho giai đoạn thi công và vận hành.

- Rà soát, thống nhất các số liệu, nội dung mô tả về địa hình, diện tích cây xanh, mặt nước và các hạng mục công trình; loại bỏ nội dung sao chép không phù hợp với dự án.

- Lập lại bảng cân bằng đào, đắp; làm rõ khối lượng đất dư khoảng 2.647.737,8 m^3, rà soát sai lệch giữa các bảng tính và thống nhất mô tả địa hình dự án.

- Rà soát, tính toán lại khối lượng nguyên vật liệu theo hồ sơ thiết kế cơ sở; khắc phục các sai sót về đơn vị, quy đổi và khối lượng, bảo đảm số liệu làm cơ sở tính toán lượt xe vận chuyển, bụi, khí thải và chất thải xây dựng.

- Bổ sung tiến độ chi tiết của từng hạng mục, thống nhất thời gian thi công, san nền và vận chuyển đất dư; làm rõ cơ sở tính toán thời gian trong các chương của báo cáo.

- Tính toán lại số liệu khí tượng, lượng mưa; bổ sung hoa gió, tần suất lặng gió và cấp ổn định khí quyển; thống nhất thông số đầu vào của các mô hình phát tán.

- Giải trình việc một số chỉ tiêu nước mặt tại mẫu NM1 vượt quy chuẩn; làm rõ cơ sở lựa chọn các chỉ tiêu phân tích nước dưới đất và bổ sung các chỉ tiêu cần thiết.

- Đánh giá lại khả năng tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận, không kết luận đáp ứng sức chịu tải khi số liệu quan trắc còn hạn chế và mẫu NM1 có thông số vượt quy chuẩn.

- Bổ sung các đối tượng chịu tác động còn thiếu, gồm hồ Cô Vinh, kênh tưới, ruộng lúa, giếng nước của người dân, trường học, các nghĩa trang hiện hữu, tuyến vận chuyển đất dài khoảng 27 km và các khu vực tiếp nhận đất dư.

- Rà soát các phép tính về khối lượng phá dỡ, khí hàn, hơi nhựa đường và chất thải xây dựng; hiệu chỉnh sai số tính toán, cập nhật quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng còn hiệu lực

- Làm rõ bản chất pháp lý của việc chuyển giao khoảng 2.647.737,8 m^3 đất dư: tận thu, bán khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường hay đổ thải; bổ sung hồ sơ pháp lý, nhu cầu tiếp nhận thực tế, địa điểm lưu chứa tạm, tuyến vận chuyển, số chuyến xe, bãi trung chuyển và phương án dự phòng khi đơn vị tiếp nhận không nhận đất.

- Đánh giá đầy đủ tác động của hoạt động giải phóng mặt bằng đối với 239 hộ bị ảnh hưởng, 37 nhà ở và kinh phí bồi thường; bổ sung phương án tái định cư và quy trình di dời, cải táng mộ.

- Bổ sung phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố sạt lở taluy, xói mòn, bồi lấp hồ và kênh tưới, sự cố tại bãi chứa đất tạm, mưa lũ, cháy nổ và an toàn lao động.

- Bổ sung biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn công trường, bùn đất và nước rửa xe; làm rõ số lượng, dung tích và tần suất hút bể chứa nước thải, thống nhất phương án thu gom chất thải rắn. Không sử dụng biện pháp đốt sinh khối thực vật; bổ sung biện pháp quản lý riêng đối với hoạt động vận chuyển đất dư.

- Rà soát chất thải từ phá dỡ nhà ở, công trình chăn nuôi, đặc biệt vật liệu có thể chứa amiăng; xác định khối lượng, phân loại và phương án quản lý từng loại chất thải.

- Mô tả đầy đủ số lượng, công suất lò hỏa táng, định mức tiêu hao nhiên liệu LPG, kho chứa nhiên liệu, quy trình vận hành và sơ đồ dòng khí; khắc phục các nội dung mâu thuẫn về nguyên lý đốt và sử dụng nhiên liệu.

- Rà soát, bổ sung công nghệ xử lý khí thải theo thông số dòng thải lò hỏa táng quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT; làm rõ các công đoạn xử lý bụi, khí axit, thủy ngân và Dioxin/Furan, đồng thời cung cấp thông số thiết kế của từng thiết bị.

- Tính toán tải lượng, nồng độ khí thải theo công suất tối đa của 05 lò, mỗi lò 10 ca/ngày; mô hình hóa phát tán khí thải từ ống khói trong điều kiện khí tượng bất lợi, đánh giá ảnh hưởng đến khu dân cư cách khoảng 60–500 m và tác động mùi; chứng minh khả năng đáp ứng quy chuẩn.

- Bổ sung mô tả nhà lưu giữ thi hài, kho lạnh, môi chất lạnh và quy trình vệ sinh, rửa xe tang.

- Tính toán lại tải lượng nước thải sinh hoạt, nêu rõ số người làm cơ sở tính toán; bổ sung các nguồn nước thải đặc thù từ rửa xe tang, khử trùng khu lưu giữ thi hài, nhà hàng và các khu vực liên quan.

- Hiệu chỉnh thiết kế trạm xử lý nước thải công suất 220 m^3/ngày đêm để bảo đảm đáp ứng quy chuẩn đầu ra; bổ sung thuyết minh tính toán, bể hoặc hồ sự cố và thiết bị đo lưu lượng đầu vào.

- Làm rõ vị trí, đặc điểm và mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải; đánh giá khả năng tiếp nhận và xác định thủ tục pháp lý cần thực hiện nếu xả vào công trình thủy lợi.

- Tính toán lại chất thải rắn, tro lò hỏa táng và chất thải nguy hại theo công suất thực tế; bổ sung chất thải đặc thù như vàng mã, vòng hoa, chất thải lây nhiễm, gạch chịu lửa thải và bao bì hóa chất khử trùng.

- Thống nhất số lượng, dung tích thùng rác, khu lưu chứa, tần suất thu gom và chuyển giao chất thải; bổ sung giải pháp kiểm soát mùi, cảnh quan và cây xanh cách ly phù hợp với tính chất công viên nghĩa trang.

- Rà soát, lập lại bảng tổng hợp công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; loại bỏ nội dung sao chép từ dự án khác, bảo đảm thống nhất với các chương của báo cáo và bổ sung kinh phí, tiến độ, trách nhiệm thực hiện.

- Hoàn thiện chương trình giám sát môi trường giai đoạn thi công và vận hành; bổ sung giám sát nước mặt tại mương phía Đông, hồ Cô Vinh, khu vực hạ lưu; khí thải các lò hỏa táng, nước thải sau xử lý, không khí và mùi tại khu dân cư, nước dưới đất tại các giếng dân. Rà soát quy định hiện hành về đối tượng, thông số và tần suất giám sát.

- Rà soát hồ sơ tham vấn: làm rõ mức độ tham gia của các hộ dân bị ảnh hưởng, nhất là khu dân cư gần dự án và cộng đồng dọc tuyến vận chuyển đất, tại

các điểm tiếp nhận đất dư; tổng hợp đầy đủ, giải trình cụ thể từng ý kiến, bao gồm các ý kiến không đồng thuận, kiến nghị về tái định cư và xử lý nước thải.

- Làm rõ tính đầy đủ, phù hợp về thời điểm của hồ sơ tham vấn khi một số thông tin, phương án của dự án được bổ sung hoặc thay đổi sau thời gian lấy ý kiến cộng đồng.

- Bổ sung, hoàn thiện hồ sơ phụ lục, gồm bản vẽ tổng mặt bằng có vị trí công trình bảo vệ môi trường, bản vẽ trạm xử lý nước thải, hồ sơ kỹ thuật lò hỏa táng, sơ đồ lấy mẫu và vị trí giám sát; kiểm tra hiệu lực chứng nhận của đơn vị phân tích mẫu.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Các ý kiến chi tiết trong bản nhận xét kèm theo).

(3) Ý kiến của ông Triệu Văn Tuấn - Ủy viên Hội đồng

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét. Tuy nhiên, một số nội dung chính cần bổ sung, chỉnh sửa như sau:

- Bổ sung làm rõ các nội dung câu hỏi nêu trên trong nội dung báo cáo đánh giá ĐTM.

- Bổ sung đánh giá sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, nội dung bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh; làm rõ phân vùng môi trường, khả năng tiếp nhận nước thải, khí thải. Thống nhất diện tích, ranh giới, phạm vi đầu tư giữa chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết, hồ sơ đất đai và báo cáo ĐTM; bổ sung sơ đồ phân định phần diện tích trong, ngoài dự án. Làm rõ trách nhiệm đầu tư, quản lý, vận hành, bảo trì hạ tầng liên quan đến phần ngoài dự án, bảo đảm đồng bộ, không chồng lấn hoặc bỏ sót tác động; thống nhất chỉ tiêu quy hoạch, chức năng sử dụng đất và quy mô công trình.

- Làm rõ cao độ hiện trạng, cao độ thiết kế, cơ sở và phương pháp tính khối lượng đào đắp, tính hợp lý khi khối lượng đào khoảng 2.768.145,45 m^3 lớn hơn nhiều so với khối lượng đắp khoảng 120.407,65 m^3. Lập bảng cân bằng đất, xác định lượng tận dụng, lượng dư, phương án vận chuyển và địa điểm tiếp nhận; đánh giá tác động của vận chuyển, tập kết, đổ thải và biện pháp kiểm soát bụi, bùn đất, tiếng ồn, an toàn giao thông.

- Làm rõ phương án đấu nối, năng lực tuyến đường tiếp cận, tổ chức giao thông tại các lối ra vào và bảo đảm an toàn trong thi công, vận hành, lưu ý thời điểm cao điểm, lễ, tết. Xác định tuyến, thời gian vận chuyển đất, vật liệu và biện pháp che chắn, vệ sinh đường, hạn chế ảnh hưởng khu dân cư. Rà soát bãi đỗ xe, đường nội bộ, đường xe chữa cháy và khả năng tiếp cận công trình khi xảy ra sự cố, bảo đảm phù hợp quy hoạch, quy chuẩn, tiêu chuẩn.

- Làm rõ hệ thống thu gom nước mưa, điểm đấu nối và khả năng tiêu thoát của khu vực tiếp nhận khi mưa lớn, tránh gây ngập úng, gia tăng dòng chảy sang khu dân cư, đất sản xuất. Bổ sung bản vẽ, mặt cắt, thuyết minh

phương án hoàn trả kênh mương liên quan đến hệ thống thủy lợi hồ Cô Vinh; xác định lưu lượng tưới tiêu, cao độ đáy, điểm đầu–cuối và trách nhiệm quản lý, duy tu.

- Rà soát nguồn, thành phần, lưu lượng nước thải; làm rõ cơ sở lựa chọn công suất trạm 220 m^3/ngày đêm so với lưu lượng lớn nhất 215,11 m^3/ngày đêm, tính đến hệ số không điều hòa, thời điểm cao điểm và hoạt động dịch vụ khác.

- Làm rõ việc tách nước mưa, nước thải, bảo đảm thu gom, xử lý đạt quy chuẩn, không quá tải, tràn hoặc xả chưa xử lý. Bổ sung quản lý bùn thải, kiểm soát mùi, quy trình vận hành, ứng phó sự cố và trách nhiệm đơn vị vận hành; rà soát hồ sơ, điều kiện tiếp nhận nước thải, điểm xả và phương thức xả.- Đánh giá cụ thể tác động trong thi công, vận hành đến các hộ gần dự án, nhất là nhà dân phía Nam cách ranh giới khoảng 60 m và phía Bắc khoảng 128,5 m. Thể hiện trên bản đồ vị trí hộ dân, khu dân cư, trường học, đất sản xuất, công trình thủy lợi và các đối tượng chịu tác động; làm rõ cây xanh cách ly, khoảng lùi, tổ chức giao thông, biện pháp giảm thiểu và trách nhiệm tiếp nhận, xử lý phản ánh của người dân.

- Làm rõ cơ sở lựa chọn công nghệ, thông số kỹ thuật, công suất, chế độ vận hành, hệ thống xử lý khí thải, ống khói, bảo đảm phù hợp thiết bị dự kiến lắp đặt. Bổ sung kiểm soát mùi, khói, khí thải khi khởi động, dừng lò, bảo dưỡng, xảy ra sự cố và quy trình dừng hoạt động khi xử lý khí thải không đáp ứng yêu cầu. Rà soát tính đồng bộ trong bố trí lò hỏa táng, công trình dịch vụ, giao thông, khu lưu giữ chất thải, khu dân cư và hạ tầng liên quan.

- Thống nhất số liệu, thông số kỹ thuật giữa mô tả dự án, dự báo tác động, biện pháp giảm thiểu và chương trình quản lý môi trường; cập nhật căn cứ pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn phù hợp. Hoàn thiện chương trình quản lý, giám sát từng giai đoạn, xác định vị trí, thông số, tần suất và trách nhiệm của chủ dự án, nhà thầu, đơn vị vận hành. Tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến cộng đồng, nhất là về đất sản xuất, kênh mương, khu dân cư và ứng phó sự cố môi trường.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Các ý kiến chi tiết trong bản nhận xét kèm theo).

(4) Ông Dương Như Long - Ủy viên Hội đồng

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét. Tuy nhiên, một số nội dung chính cần bổ sung, chỉnh sửa như sau:

- Bổ sung làm rõ các nội dung câu hỏi nêu trên trong nội dung báo cáo đánh giá ĐTM.

- Bổ sung làm rõ phạm vi báo cáo ĐTM của dự án, làm rõ các công trình của dự án và do Chủ dự án quản lý, vận hành; các công trình phải bàn giao cho cơ quan nhà nước quản lý sau khi hoàn thiện việc đầu tư như: Đường giao thông

kết nối, kênh mương thuỷ lợi, suối hiện trạng sau nắn chỉnh, khu nghĩa trang danh cho đối tượng chính sách,...

- Bổ sung làm rõ thông tin về thông số kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý hoạt động của lò hoả táng Mecs Miyamoto và hệ thống xử lý khí thải đồng bộ.

- Rà soát, bổ sung và thống nhất thông tin các khu nghĩa trang trong phạm vi ranh giới dự án phải di chuyển, giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

- Rà soát xem xét lại nguồn tiếp nhận nước thải của dự án theo quy định làm cơ sở xác định yếu tố nhạy cảm về môi trường của dự án đúng quy định.

- Có trách nhiệm thực hiện đúng quy định về thu gồi khoáng sản đất san lấp trong phạm vi dự án trước khi triển khai thu hồi.

- Làm rõ các giải pháp thực hiện đối với 03 hộ dân nằm ngoài ranh giới dự án nhưng chưa đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường từ vị trí công trình lò hoả táng.

- Xem xét, bổ sung, làm rõ phạm vi vùng ảnh hưởng tác động của bụi, khí thải từ lò hoả táng theo các hướng và theo hướng gió chủ đạo của các mùa trong năm.

- Việc thiết kế, nắn chỉnh suối hiện trạng chạy qua khu vực dự án phải đảm bảo việc tiêu thoát nước tại khu vực dự án và xung quanh; thường xuyên theo dõi nguy cơ xói, lở, bồi, lắng suối hiện trạng sau khi nắn chỉnh để kịp thời bổ sung các giải pháp cải tạo, nâng cấp, mở rộng hạn chế nguy cơ bồi lấp, úng ngập tại khu vực.

- Quá trình thi công đảm bảo đúng ranh giới dự án, tuyệt đối không được để đất đá tràn đổ xuống hồ Cô Vinh.

- Bổ sung làm rõ các nội dung liên quan đến quá trình tham vấn; bổ sung làm rõ các nội dung giải trình và chịu trách nhiếm về tính chính xác đối vơi các thông tin, số liệu trong quá trình tham vấn.

- Bổ sung sơ đồ thể hiện khoảng cách đến các đối tượng xung quanh, nhất là các hộ dân liền kề xung quanh dự án đến vị trí đặt lò hoả táng và các khu mộ cát táng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin số liệu xác định khoảng cách an toàn theo quy định.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Các ý kiến chi tiết trong bản nhận xét kèm theo).

(5) Ông Dương Văn Diễn - Ủy viên Hội đồng

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét. Tuy nhiên, một số nội dung chính cần bổ sung, chỉnh sửa như sau:

- UBND phường Phúc Thuận đã phối hợp với Chủ dự án niêm yết công khai báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND phường từ ngày 15/9/2026 đến ngày 29/9/2026 và có văn bản kết thúc niêm yết theo quy định.

- Đồng thời, UBND phường đã mời toàn bộ đối tượng bị ảnh hưởng trong phạm vi dự án tham dự họp tham vấn; số người tham dự vượt số lượng được mời. Do chưa đồng thuận với loại hình dự án nghĩa trang, nhiều người dân tham dự nhưng không ký biên bản; các ý kiến phản đối chủ yếu liên quan đến bồi thường đất đai, quy hoạch, hầu như không có ý kiến về môi trường. UBND phường đã chụp ảnh, quay phim ghi nhận toàn bộ quá trình họp và số lượng người tham dự.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Ý kiến phát biểu tại phiên họp; không có bản nhận xét kèm theo)

(6) Ông Trần Hà Thái - Ủy viên Hội đồng

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét, không có ý kiến bổ sung

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Ý kiến phát biểu tại phiên họp; không có bản nhận xét kèm theo)

(8) Bà Thăng Thị Minh Hiến – Ủy viên Thư ký

Về cơ bản đồng ý với nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định đã nhận xét. Tuy nhiên, một số nội dung chính cần bổ sung, chỉnh sửa như sau:

- Bổ sung, làm rõ thông tin pháp lý, chủ đầu tư: Bổ sung nội dung điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến tư cách pháp nhân, ông Lê Văn Tứ và ông Nguyễn Đức Lượng; thống nhất tên chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Tân An Hòa TN hay Công ty TNHH Nguyễn Khang Thái Nguyên.

- Làm rõ chênh lệch giữa diện tích quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khoảng 58,52 ha và diện tích theo chủ trương đầu tư 50,98 ha, nguyên nhân điều chỉnh giảm diện tích.

- Xác định trách nhiệm quản lý, vận hành hạ tầng, hệ thống thoát nước, hồ điều hòa, kênh hoàn trả và giao thông đấu nối tại khu vực tiếp giáp phần diện tích 7,53 ha.

- Thống nhất nguồn tiếp nhận là mương phía Đông, khe tụ thủy hay suối hiện trạng; bổ sung đánh giá tác động đến lòng, bờ, bãi, nguy cơ xói mòn, sạt trượt, bồi lắng khi cải tạo, nắn chỉnh suối theo Luật Tài nguyên nước năm 2023 và Nghị định số 53/2024/NĐ-CP (nếu có).

- Xác định tuyến vận chuyển, lưu lượng, mật độ xe; đánh giá tác động cộng hưởng trên tuyến ĐT261 với hoạt động vận chuyển của các mỏ đất, nhà máy xử lý rác và đề xuất biện pháp kiểm soát bụi, tiếng ồn, vật liệu rơi vãi.

- Đối chiếu cân bằng đào đắp, cao độ san nền, khối lượng đất đào, đất đắp, đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét; xác định lượng tận dụng tại chỗ và vận chuyển ra ngoài.

- Làm rõ sự phù hợp với quy hoạch và khoảng cách an toàn theo QCVN 01:2021/BXD từ khu hỏa táng, lưu tro cốt, cát táng đến nhà ở, khu dân cư, đối tượng nhạy cảm; lưu ý các nhà cấp IV hiện hữu trong phạm vi dự án.

- Làm rõ cơ sở tính lưu lượng 215,11 m^3/ngày đêm, khả năng đáp ứng của trạm xử lý công suất 220 m^3/ngày đêm và phương án lưu chứa tạm thời khi xảy ra sự cố. Cụ thể hóa việc thu gom nước thải khu mai táng, nước vệ sinh khu hỏa táng, nước rửa sàn, nước rò rỉ từ khu mộ và các nguồn khác về trạm xử lý tập trung; thể hiện tuyến thu gom, cấu tạo, chống thấm và vị trí đấu nối.

- Làm rõ 05 dây chuyền hỏa táng có tương ứng 05 hệ thống lò hay không; xác định công suất từng lò, khả năng vận hành đồng thời và tổng lưu lượng khí thải.

- Bổ sung phương án thu gom, quản lý bùn cặn, dầu mỡ từ bể lắng nước rửa xe 22,5 m^3;

- Xác định tính chất, phương thức quản lý và tần suất thay thế than hoạt tính sau sử dụng.

- Rà soát, thống nhất quy chuẩn về khí thải lò hỏa táng và nước thải nghĩa trang giữa bảng tổng hợp quản lý môi trường và phần mô tả công trình, hiện đang viện dẫn khác nhau giữa QCVN 02:2012/BTNMT, QCVN 28:2010/BTNMT với QCVN 19:2024/BTNMT, QCVN 14:2025/BTNMT.

- Bổ sung đối tượng, tác động liên quan đến di dời, quy tập 08 ngôi mộ và 04 nghĩa trang hiện hữu, nhất là yếu tố văn hóa, tâm linh; làm rõ sự đồng thuận của các hộ dân về bồi thường, di dời.

- Bổ sung đầy đủ các thông tin đối với nội dung tham vấn cộng đồng chịu tác động trực tiếp của Dự án, đề nghị nêu rõ số người dân được mời và số người tham gia họp đã đảm bảo 2/3 số hộ ảnh hưởng trong quá trình tham vấn chưa? Đối với số hộ dân không tham gia họp chủ dự án đã thực hiện lấy ý kiến theo 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 theo đúng quy định chưa, số phiếu lấy ý kiến? Số phiếu phản hồi, kết quả phiếu lấy ý kiến.

Kết luận: Đồng ý thông qua với điều kiện chỉnh sửa, bổ sung

(Các ý kiến chi tiết trong bản nhận xét kèm theo).

(8) Ông Lê Hải Bằng – Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường – Phó Chủ tịch Hội đồng

Thống nhất với ý kiến của các Ủy viên phản biện và các Ủy viên Hội đồng đã nhận xét. Các ý kiến nhận xét được lồng ghép trong nội dung kết luận.

2.5. Ý kiến phản hồi của Chủ dự án:

Chủ dự án sẽ tiếp thu đầy đủ các ý kiến nhận xét, đánh giá của các thành viên Hội đồng; cam kết sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung vào báo cáo theo nhận xét của các thành viên Hội đồng và kết luận của Hội đồng. Sau khi chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ báo cáo ĐTM của dự án, Chủ dự án sẽ phối

hợp cùng đơn vị tư vấn chủ động xin ý kiến góp ý của 02 chuyên gia Hội đồng (Bà Trịnh Thị Thanh và bà Đỗ Thị Lan) đối với báo cáo ĐTM sau khi được chỉnh sửa, bổ sung để hoàn thiện báo cáo, đảm bảo chất lượng trước khi nộp tại Bộ phận một cửa trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên để Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét, phê duyệt.

3. Kết luận phiên họp

3.1. Người chủ trì công bố kết luận của Hội đồng thẩm định:

Trên cơ sở các ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng thẩm định, Chủ trì điều hành phiên họp Hội đồng kết luận như sau:

Báo cáo ĐTM của dự án đã được lập theo mẫu hướng dẫn của Thông tư số 22/2026/TT-BNNMT ngày 19/05/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư liên quan phân cấp, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Đề nghị Chủ dự án tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, làm rõ các ý kiến nhận xét của thành viên Hội đồng (có bản nhận xét gửi kèm theo), giải trình những ý kiến không tiếp thu (nếu có) theo từng ý kiến nhận xét của thành viên Hội đồng. Trong quá trình chỉnh sửa, cần làm rõ các nội dung sau:

(1) Sự phù hợp với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Rà soát, làm rõ sự phù hợp với các quy hoạch có liên quan; thống nhất diện tích, ranh giới Dự án giữa hồ sơ chủ trương đầu tư, quy hoạch chi tiết và báo cáo ĐTM.

- Làm rõ phạm vi, trách nhiệm đầu tư, quản lý và vận hành hạ tầng đối với phần diện tích 7,53 ha nằm trong quy hoạch nhưng ngoài ranh giới Dự án; rà soát các quy định, quy chuẩn áp dụng đối với công trình nghĩa trang, hỏa táng.

(2) Sự phù hợp của phương pháp đánh giá tác động môi trường và phương pháp khác được sử dụng:

Rà soát, hoàn thiện phương pháp và cơ sở tính toán tải lượng chất thải, dự báo phát tán khí thải, bụi, tiếng ồn và các tác động trong giai đoạn thi công, vận hành; bảo đảm phương pháp, hệ số và số liệu đầu vào phù hợp với đặc điểm, quy mô của Dự án và các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng; Làm rõ các phương pháp mô hình hóa đã sử dụng, cơ sở tính toán và độ tin cậy của kết quả dự báo.

(3) Sự phù hợp về việc nhận dạng, xác định công nghệ, các hạng mục công trình, hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Làm rõ công nghệ, công suất và tính đồng bộ của hệ thống lò hỏa táng, thiết bị xử lý khí thải; rà soát sự phù hợp giữa các hạng mục công trình và quy mô đầu tư.

- Làm rõ phương án hoàn trả suối, kênh tưới, thoát nước và tiêu thoát nước khu vực; xác định trách nhiệm quản lý, vận hành các công trình sau khi hoàn thành

(4) Sự phù hợp của kết quả đánh giá hiện trạng môi trường, đa dạng sinh học; nhận dạng đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường nơi thực hiện dự án đầu tư:

- Bổ sung, làm rõ hiện trạng môi trường và các đối tượng nhạy cảm, nhất là khu dân cư, trường học, đất nông nghiệp, công trình thủy lợi, nguồn nước và khu vực tiếp nhận nước thải.

- Rà soát khoảng cách an toàn từ khu hỏa táng, khu cát táng đến nhà ở và các công trình lân cận; làm rõ phương án xử lý đối với các hộ dân, các ngôi mộ nhỏ lẻ và nghĩa trang hiện hữu chịu ảnh hưởng.

(5) Sự phù hợp của kết quả nhận dạng, dự báo các tác động chính, chất thải phát sinh từ dự án đầu tư đến môi trường:

- Rà soát, tính toán đầy đủ lưu lượng, tải lượng các nguồn nước thải; làm rõ cơ sở lựa chọn công suất trạm xử lý 220 m^3/ngày đêm so với lưu lượng nước thải dự kiến, xác định thống nhất nguồn tiếp nhận và đánh giá tác động đến nguồn nước.

- Làm rõ cân bằng đào đắp, khối lượng khoảng 2,65 triệu m^3 đất dư thừa, tính chất pháp lý và phương án tận thu, vận chuyển, tiếp nhận; đánh giá tác động đến giao thông, khu dân cư và môi trường.

- Đánh giá đầy đủ tác động của khí thải lò hỏa táng, bụi, tiếng ồn, mùi, nước mưa chảy tràn và các sự cố có thể phát sinh trong quá trình thi công, vận hành.

(6) Sự phù hợp, tính khả thi của các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường:

- Hoàn thiện biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải; làm rõ hiệu quả xử lý, khả năng đáp ứng quy chuẩn, phương án lưu chứa khi hệ thống xử lý gặp sự cố và biện pháp kiểm soát phát thải từ lò hỏa táng.

- Bổ sung giải pháp kiểm soát bụi, bùn đất, tiếng ồn và an toàn giao thông trong quá trình vận chuyển đất; hoàn thiện phương án bảo đảm tiêu thoát nước, cấp nước tưới và hạn chế ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

- Làm rõ phương án dự phòng khi đơn vị tiếp nhận đất dư thừa không tiếp nhận; hoàn thiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và bố trí cây xanh, cảnh quan phù hợp.

(7) Sự phù hợp của dự án đầu tư đáp ứng tiêu chí môi trường theo quy định để được xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh (đối với trường hợp đề nghị xác nhận dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo quy định tại Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg): Dự án không thuộc danh mục phân loại xanh.

(8) Sự phù hợp của chương trình quản lý và giám sát môi trường; tính đầy đủ, khả thi đối với các cam kết bảo vệ môi trường của chủ dự án đầu tư:

- Hoàn thiện chương trình quản lý, giám sát môi trường theo từng giai đoạn; xác định cụ thể vị trí, thông số, tần suất giám sát và trách nhiệm thực hiện.

- Rà soát, thống nhất số liệu, thông số kỹ thuật, quy chuẩn áp dụng giữa các phần của báo cáo; bổ sung hồ sơ, bản vẽ công trình bảo vệ môi trường và bổ sung, hoàn thiện, giải trình các ý kiến đối với nội dung tham vấn cộng đồng.

Chủ tịch Hội đồng đề nghị Chủ dự án và đơn vị tư vấn nghiêm túc nghiên cứu, tiếp thu đầy đủ ý kiến của các thành viên Hội đồng, hoàn thiện Báo cáo đánh giá tác động môi trường và có văn bản giải trình việc tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung theo từng nội dung trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

3.2. Ý kiến khác của các thành viên Hội đồng thẩm định: Không có ý kiến.

3.3. Ý kiến của Chủ dự án về kết luận của Hội đồng:

Chủ đầu tư nhất trí với ý kiến kết luận của Hội đồng thẩm định, cam kết sẽ phối hợp với đơn vị tư vấn chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo ĐTM theo kết luận của Hội đồng thẩm định và các ý kiến nhận xét của thành viên Hội đồng thẩm định; không có ý kiến giải trình bổ sung tại cuộc họp.

3.4. Kết quả kiểm phiếu thẩm định:

- Số phiếu thông qua báo cáo không cần chỉnh sửa, bổ sung: 0/9;

- Số phiếu thông qua báo cáo với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung: 9/9;

- Số phiếu không thông qua báo cáo: 0/9.

4. Người chủ trì phiên họp tuyên bố kết thúc phiên họp

Hội đồng thẩm định nhất trí thông qua báo cáo ĐTM với điều kiện phải chỉnh sửa, bổ sung.

Đề nghị Chủ dự án tiếp thu toàn bộ ý kiến nhận xét của các thành viên Hội đồng tại cuộc họp và bản nhận xét chi tiết để giải trình, bôt sung làm rõ trong báo cáo ĐTM của dự án; khẩn trương chỉnh sửa bổ sung hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư, chỉnh sửa báo cáo ĐTM của dự án theo yêu cầu tại Biên bản này và các ý kiến nhận xét chi tiết của các thành viên Hội đồng *(có bản nhận xét kèm theo)*. Hồ sơ sau khi được bổ sung, hoàn thiện, đề nghị Chủ dự án nộp lại về Bộ phận một cửa trong phạm vi tỉnh Thái Nguyên để được xem xét, phê duyệt. Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khach quan, trung thực thông tin số liệu trong báo cáo ĐTM. Báo cáo ĐTM chỉ được trình phê duyệt sau khi đã giải trình, chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hội đồng thẩm định, đảm bảo chất lượng.

Hội nghị kết thúc hồi 17 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản gồm 19 trang, được lập thành 06 bản, có giá trị pháp lý như nhau, các bên liên quan đã nhất trí và cùng thống nhất ký tên./.

CHỦ TỊCH **HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH**	**THƯ KÝ HỘI ĐỒNG**
CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN	
PHÓ GIÁM ĐỐC **SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG** **Nguyễn Văn Minh**	**Thăng Thị Minh Hiến**